

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA BÀ MẸ VỀ BỆNH VIÊM GAN VI RÚT B TẠI 4 XÃ VÙNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI BÌNH

NGÔ THỊ NHU - Đại học Y Thái Bình

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu về thực trạng nhận thức của các bà mẹ có con trong độ tuổi từ 3-11 về bệnh viêm gan vi rút B chúng tôi thu được kết quả sau:

- Tỷ lệ các bà mẹ hiểu biết đúng được nguyên nhân gây bệnh viêm gan vi rút B là 85,0%. Tuy nhiên chỉ có 18,9% các bà mẹ biết được đường lây chủ yếu của virút viêm gan B là lây truyền từ mẹ sang con.

- Đa số các bà mẹ đều biết được các triệu chứng chủ yếu của viêm gan B đó là vàng da chiếm 84,4%; triệu chứng vàng mắt chiếm 70,6% và mệt mỏi là 61,7%. Có tới 70% các bà mẹ biết được viêm gan B có thể gây viêm gan mạn và trên 50% trả lời có thể gây xơ gan và ung thư.

- Tỷ lệ các bà biết rằng vắc xin viêm gan vi rút B phòng bệnh tốt là 98,9%, nhưng chỉ có 21,6% các bà mẹ biết lịch tiêm đúng và 36,1% các bà mẹ biết được số mũi tiêm đúng.

Từ khóa: nhận thức, viêm gan vi rút B.

SUMMARY

Study on knowledge on Hepatitis B of mothers with children aged 3 to 11 at 4 rural communes in Thai Binh showed that:

- About 85.0% of all the mothers had right knowledge on the cause of hepatitis B. However only 18.9% of them knew the most transmission way of hepatitis virus as from mother to her child.

- Most of the mothers knew the main symptoms of hepatitis B disease, such as jaundice (84.4%); yellow eyes (70.6%); fatigue (61.7%). About 70% of all the mothers knew that hepatitis B can cause chronic hepatitis, and over 50% answered that it can cause cirrhosis or liver cancer.

- Almost 98.9% of mothers knew that hepatitis B vaccination is a good way for the prevention of this disease. However only 21.6% of mothers knew the vaccination schedule and 36.1% of them knew the exact injection time required.

Keywords: knowledge, Hepatitis B

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm virút viêm gan, đặc biệt nhiễm vi rút viêm gan B là một vấn đề mang tính toàn cầu. Theo thống kê của tổ chức Y tế Thế giới hiện nay trên thế giới có khoảng 2 tỷ người nhiễm vi rút viêm gan B, trong đó có 350 triệu người mang vi rút mạn tính. Những người mang virút viêm gan B mạn tính là nguồn lây nhiễm quan trọng trong cộng đồng và có nguy cơ cao mắc các bệnh gan nguy hiểm liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B. Hàng năm trên thế giới ước tính có khoảng 2 triệu người mang vi rút viêm gan B mạn tính chết vì xơ gan và ung thư gan. Có đến 90% trẻ sơ sinh, 25 - 50% trẻ từ 1 - 5 tuổi và 5-10% người lớn bị nhiễm vi rút viêm gan B trở thành người mang vi rút mạn tính. Để góp phần vào việc đánh giá hiệu quả của chương trình tiêm chủng vắc xin viêm gan B giai đoạn 2000-2008 chúng tôi thực hiện đề tài: "Thực trạng nhận thức của bà mẹ về bệnh viêm gan vi rút tại 4 xã vùng nông thôn tỉnh Thái Bình" với mục tiêu sau: Đánh giá nhận thức của các bà mẹ về bệnh viêm gan virút B và cách phòng chống.

ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa bàn nghiên cứu

Cuộc điều tra được tiến hành tại 4 xã thuộc tỉnh Thái Bình đó là xã Dân Chủ và xã Hoà Bình thuộc huyện Hưng Hà và xã An Vũ và xã Quỳnh Thọ thuộc huyện Quỳnh Phụ.

2. Đối tượng nghiên cứu

Bà mẹ có con từ 3-11 tuổi là các đối tượng đang được tiêm phòng vi rút viêm gan B tại các xã trên có đủ khả năng trả lời phỏng vấn và hợp tác trong quá trình điều tra.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang để xác định kiến thức của các bà mẹ về bệnh viêm gan vi rút B.

- Mẫu và chọn mẫu: Dựa vào số trẻ được tính toán để xác định tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B và điều tra tất cả các bà mẹ. Theo tính toán chúng tôi tính được cỡ mẫu là 180.

- Phương pháp thu thập số liệu: Phỏng vấn các bà mẹ bằng bộ câu hỏi được chuẩn bị trước.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tiểu học	6	3,4
THCS	124	68,9
THPT	38	21,1
THCN trở lên	12	6,6
Tổng	180	100

Qua bảng 1 cho ta thấy trình độ học vấn của các đối tượng bà mẹ được nghiên cứu, trong đó đối tượng có trình độ Trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao nhất 68,9% sau đó lần lượt Trung học phổ thông 21,1%; Trung học chuyên nghiệp trở lên 6,6%, còn lại trình độ Tiểu học chiếm thấp nhất 3,4%.

Bảng 2. Nhận thức của bà mẹ về nguyên nhân gây bệnh viêm gan B (n=180)

Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Virút viêm gan B	153	85,0
Vi khuẩn	35	19,4
Ký sinh trùng	2	1,2
Khác	36	20,0
Không biết	6	3,3

Qua kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 2 ta thấy tỷ lệ bà mẹ nói được vi rút viêm gan B là nguyên nhân gây nên bệnh viêm gan B là khá cao với 85,0 %; chỉ có 3,3% các bà mẹ không kể được bất kỳ nguyên nhân nào. Tuy nhiên vẫn còn 19,4% cho rằng vi khuẩn; 1,2% cho rằng ký sinh trùng là nguyên nhân gây nên bệnh viêm gan B và 20,0% kể ra các nguyên nhân khác.

Bảng 3. Nhận thức của bà mẹ về đường lây của vi rút viêm gan B (n=180)

Đường lây	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đường tiêu hóa	59	32,8
Đường máu	145	80,6
Đường tình dục	113	62,8
Mẹ sang con	122	67,8
Không biết	3	1,7

Các kết quả được trình bày ở bảng 3 cho thấy kiến thức của các bà mẹ về đường lây truyền của vi rút viêm gan B với tỷ lệ bà mẹ biết vi rút viêm gan B lây qua đường máu là 80,6 %, lây qua đường tình dục là 62,8%, lây truyền từ mẹ sang con là 67,8%. Tuy vậy vẫn còn có 32,8% các bà mẹ cho rằng vi rút viêm gan

B có thể lây qua đường tiêu hoá và 1,7 % các bà mẹ không kể được đường lây nào.

Bảng 4. Nhận thức của bà mẹ về đường lây chủ yếu của vi rút VGB

Đường lây	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Máu	116	64,4
Tình dục	22	12,2
Từ mẹ sang con	34	18,9
Khác	3	1,7
Không biết	5	2,8
Tổng	180	100

Qua kết quả ở bảng 4 ta thấy chỉ có 18,9 % số bà mẹ được hỏi trả lời đúng được đường lây chủ yếu của vi rút viêm gan B là lây truyền từ mẹ sang con. Còn lại 81,1 % các bà mẹ trả lời sai hoặc không biết.

Bảng 5. Nhận thức của bà mẹ về triệu chứng bệnh viêm gan B (n=180)

Triệu chứng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Mệt mỏi	111	61,7
Chán ăn	95	52,8
Vàng da	152	84,4
Vàng mắt	127	70,6
Nước tiểu vàng	54	30,0
Đau hạ sườn phải	25	13,9
Không biết	8	6,1

Qua bảng 5 cho ta thấy kiến thức của bà mẹ về biểu hiện của bệnh viêm gan vi rút B, dấu hiệu nhận biết được các bà mẹ đề cập đến nhiều nhất là vàng da chiếm 84,4%; còn các dấu hiệu khác lần lượt được các bà mẹ kể ra với các tỷ lệ sau: vàng mắt 70,6%; mệt mỏi 61,7%; chán ăn 52,8%; nước tiểu vàng 30,0%; đau hạ sườn phải 13,9% tuy nhiên vẫn còn 6,1% số bà mẹ được hỏi không biết về các triệu chứng biểu hiện của bệnh viêm gan B.

Bảng 6. Tỷ lệ bà mẹ biết về biến chứng của bệnh viêm gan B (n=180)

Biến chứng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Viêm gan mạn	126	70,0
Xơ gan	105	58,3
Ung thư gan	97	53,9
Không biết	53	29,4

Qua kết quả được trình bày ở bảng 6 cho ta thấy kiến thức của các bà mẹ hiểu biết về biến chứng của bệnh viêm gan B, trong đó biến chứng viêm gan mạn được các bà mẹ trả lời nhiều nhất chiếm 70,0%, biến chứng xơ gan và ung thư gan được trả lời với lần lượt các tỷ lệ là 58,3% và 53,9%. Tuy vậy trong nghiên cứu này vẫn còn 29,4% các bà mẹ không biết biến chứng bệnh viêm gan B.

Bảng 7. Nhận thức của bà mẹ về cách phòng bệnh viêm gan B (n=180)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
T tiêm vắc xin	162	90,0
Không dùng chung bơm kim tiêm	93	51,7
An toàn truyền máu	41	22,8
Khác, Không biết	13	7,2

Kết quả ở bảng 7 cho thấy có tới 90,0% các bà mẹ đã lựa chọn tiêm vắc xin là một trong những biện pháp để phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B, các biện pháp khác như không dùng chung bơm kim tiêm và đảm bảo

an toàn truyền máu được lựa chọn lần lượt với các tỷ lệ là 51,7% và 22,8%. Tuy nhiên vẫn còn 7,2% các bà mẹ trả lời sai hoặc không kể ra được biện pháp nào để phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B.

Bảng 8. Nhận thức của các bà mẹ về vắc xin viêm gan B (n=180)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Biết về vắc xin viêm gan B	180	100
Vắc xin VGB phòng bệnh tốt	178	98,9
Sử dụng vắc xin VGB bằng đường tiêm	180	100
Lịch tiêm đúng	39	21,6
Số mũi tiêm đúng	65	36,1

Khi phân tích sự hiểu biết của các bà mẹ về vắc xin viêm gan B qua các kết quả được trình bày ở bảng 8 cho thấy tất cả các bà mẹ đã nghe nói về vắc xin viêm gan B và biết vắc xin viêm gan B sử dụng bằng đường tiêm, 98,9% các bà biết rằng vắc xin viêm gan B phòng bệnh tốt, tuy nhiên khi được hỏi về lịch tiêm và số mũi tiêm đúng thì chỉ có 21,6% các bà mẹ biết lịch tiêm đúng và 36,1% biết được số mũi tiêm đúng.

Bảng 9. Nhận thức của các bà mẹ về cách phát hiện nhiễm vi rút VGB (n=180)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Xét nghiệm máu	175	97,2
Triệu chứng bệnh	62	34,4
Tiền sử gia đình	3	1,7

Khi tìm hiểu kiến thức của các bà mẹ về cách phát hiện nhiễm vi rút viêm gan B qua kết quả ở bảng 9 cho ta thấy đã có phần lớn các bà mẹ 97,2% biết được phải xét nghiệm máu để xác định có bị nhiễm vi rút viêm gan B hay không, tuy nhiên vẫn còn có 34,4% ý kiến cho rằng dựa vào triệu chứng của bệnh và 1,7% các bà mẹ cho rằng căn cứ vào tiền sử gia đình để xác định bị nhiễm vi rút viêm gan B.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu trên chúng tôi có một số kết luận sau:

- Tỷ lệ các bà mẹ hiểu biết đúng được nguyên nhân gây bệnh viêm gan vi rút B là 85,0%. Tuy nhiên chỉ có 18,9% các bà mẹ biết được đường lây chủ yếu của vi rút viêm gan B là lây truyền từ mẹ sang con.

- Đa số các bà mẹ đều biết được các triệu chứng chủ yếu của viêm gan B đó là vàng da chiếm 84,4%; triệu chứng vàng mắt chiếm 70,6% và mệt mỏi là 61,7%. Có tới 70% các bà mẹ biết được viêm gan B có thể gây viêm gan mạn và trên 50% trả lời có thể gây xơ gan và ung thư.

- Tỷ lệ các bà biết rằng vắc xin viêm gan vi rút B phòng bệnh tốt là 98,9%, nhưng chỉ có 21,6% các bà mẹ biết lịch tiêm đúng và 36,1% các bà mẹ biết được số mũi tiêm đúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Xuân Chương (2005), "ý nghĩa lâm sàng của các kiểu gen (genotypes) của vi rút viêm gan B trong bệnh viêm gan vi rút B cấp", Tạp chí Y học thực hành, 5(512), tr. 40-43.
2. Bùi Đại (2008), Viêm gan vi rút B và D. 2008, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.
3. Đỗ Tuấn Đạt (2004), Đánh giá hiệu quả triển khai tiêm phòng vắc xin viêm gan B do viện Vệ sinh Dịch tễ

Trung ương sản xuất dùng trong chương trình tiêm chủng mở rộng, Luận án tiến sỹ Y học. Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương: Hà Nội.

4. Đỗ Sỹ Hiến (2005), Chương trình tiêm chủng mở rộng thành quả 20 năm ở Việt Nam. tr 61-62.

5. Trịnh Quân Huấn (2000), Bệnh viêm gan do virút, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.

6. Hoàng Thuỷ Long và cs (2001), Điều tra kiến thức, thái độ, thực hành (KAP) của hộ gia đình về bệnh gan, viêm gan B và tiêm chủng mở rộng tại Thanh Hoá. Tạp chí Y học dự phòng. XI(4(50)): tr. 18-22.

7. Cao Thị Thanh Thủy (1995), Bước đầu tìm hiểu vai trò lây truyền mẹ sang con của các dấu ấn (Markers) virút viêm gan B ở phụ nữ có thai, Luận án Thạc sỹ khoa học y được. Đại học Y Hà Nội: Hà Nội.